



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Mỹ, ngày tháng 6 năm 2026

ĐỀ ÁN
Sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Yên Mỹ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố; Kế hoạch số 197./KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026; Phương án số 97/PA-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh năm 2026, Ủy ban nhân dân xã dựng Đề án sắp xếp thôn năm 2026, như sau:

Phần thứ nhất
CƠ SỞ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT VÀ SỰ CẦN THIẾT SẮP XẾP THÔN

I. CƠ SỞ PHÁP LÝ, SỰ CẦN THIẾT

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025.
- Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2022; Luật số 47/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; Luật số 97/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến tổ chức chính quyền địa phương.
- Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, thôn và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố.
- Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, thôn và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.
- Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về tinh giản biên chế.
- Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Hưng Yên.

- Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 29/5/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên năm 2026;

- Phương án số 97/PA-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về sắp xếp thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh năm 2026;

- Nghị quyết của Đảng ủy xã họp ngày tháng năm 2026 về chủ trương nhất trí sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Yên Mỹ.

2. Sự cần thiết sắp xếp thôn

- Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; việc sắp xếp thôn trên địa bàn xã Yên Mỹ là yêu cầu cần thiết, phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương trong giai đoạn hiện nay.

- Sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xã Yên Mỹ được thành lập trên cơ sở sáp nhập 04 xã, thị trấn cũ gồm Tân Lập, Trung Hòa, Tân Minh và thị trấn Yên Mỹ. Tuy nhiên, hệ thống thôn hiện nay cơ bản vẫn được giữ nguyên từ trước khi sáp nhập đơn vị hành chính nên còn tồn tại một số hạn chế như: nhiều thôn có quy mô hộ gia đình, dân số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định; địa bàn quản lý còn phân tán; số lượng đầu mỗi thôn lớn; việc bố trí người hoạt động không chuyên trách còn dàn trải, làm tăng chi ngân sách nhà nước.

- Bên cạnh đó, quá trình phát triển công nghiệp, thương mại và gia tăng dân số cơ học trên địa bàn đặt ra yêu cầu ngày càng cao đối với công tác quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, xây dựng nếp sống văn minh và tổ chức các hoạt động cộng đồng dân cư. Điều này đòi hỏi hệ thống thôn cần được rà soát, tổ chức lại theo hướng phù hợp hơn với quy mô dân cư và yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

- Việc sắp xếp thôn sẽ góp phần tinh gọn đầu mối quản lý, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh tại địa phương.

- Thông qua việc sắp xếp, địa phương có điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở hạ tầng, nhà văn hóa, các thiết chế phục vụ sinh hoạt cộng đồng; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở; tăng cường hiệu quả hoạt động của các tổ chức tự quản và phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tại cộng đồng dân cư.

- Việc sắp xếp thôn được thực hiện trên cơ sở bảo đảm giữ gìn, phát huy truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

II. CƠ SỞ THỰC TIỄN

1. Đặc điểm tình hình

1.1. Về địa giới hành chính

- Xã Yên Mỹ được thành lập theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở sáp nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 04 đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn trước đây gồm: xã Tân Lập, Trung Hòa, Tân Minh và thị trấn Yên Mỹ.

- Sau sáp nhập, xã Yên Mỹ có diện tích tự nhiên 33,12 km²; có vị trí địa lý cụ thể như sau: phía Đông giáp phường Đường Hào và xã Phạm Ngũ Lão; phía Tây giáp xã Việt Yên; phía Nam giáp các xã Xuân Trúc, Việt Tiến; phía Bắc giáp xã Nguyễn Văn Linh.

- Sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, địa giới hành chính của xã Yên Mỹ có sự mở rộng cả về diện tích tự nhiên và quy mô dân số; số lượng khu dân cư, thôn tăng, yêu cầu quản lý nhà nước tại cơ sở ngày càng cao. Bên cạnh những thuận lợi, việc quản lý địa bàn rộng, dân cư đông, phân bố không đồng đều cũng đặt ra nhiều yêu cầu trong công tác quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Hiện nay, hệ thống thôn trên địa bàn xã chủ yếu được giữ nguyên theo địa giới của các xã, thị trấn trước khi sáp nhập đơn vị hành chính nên còn tồn tại tình trạng quy mô nhỏ, phân tán, chưa phù hợp với yêu cầu quản lý và tiêu chuẩn thôn theo quy định hiện hành. Vì vậy, việc rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các thôn là cần thiết nhằm phù hợp với địa giới hành chính mới, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý, điều hành và tổ chức hoạt động tại cộng đồng dân cư.

1.2. Về vị trí địa lý - kinh tế

- Xã Yên Mỹ có địa hình bằng phẳng, điều kiện tự nhiên và vị trí địa lý thuận lợi, tiếp giáp liền kề với đô thị Mỹ Hào, với các trục giao thông huyết mạch đi qua địa bàn, cùng với đó là các KCN, CCN, các làng nghề trên địa bàn, nên trong những năm qua, cùng với sự phát triển chung của tỉnh Hưng Yên, kinh tế - xã hội của xã Yên Mỹ có bước phát triển mạnh mẽ; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng nhanh tỷ trọng các ngành thương mại, dịch vụ, công nghiệp, xây dựng và giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp; thu ngân sách đạt và vượt kế hoạch đề ra; hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển của địa phương; đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện và không ngừng nâng cao; tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Địa bàn xã là nơi thu hút các dự án đầu tư phát triển kinh tế, là nơi tập trung nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, nhà hàng, khách sạn,... tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong quá trình phát triển, từng bước hình thành lõi sống đô thị, góp phần làm thay đổi mạnh mẽ diện mạo đô thị của khu vực phía Bắc tỉnh Hưng Yên nói chung và xã Yên Mỹ nói riêng.

- Xã tiếp giáp với nhiều địa phương có tốc độ phát triển công nghiệp, đô thị hóa cao; đồng thời nằm gần các khu, cụm công nghiệp, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh đang hoạt động, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển thương mại, dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động.

- Trong những năm qua, cơ cấu kinh tế của địa phương chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, thương mại, dịch vụ; đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên. Hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, trường học, cơ sở y tế và các thiết chế văn hóa tiếp tục được quan tâm đầu tư, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Tuy nhiên, cùng với quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp và gia tăng dân số cơ học, địa phương cũng đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như: áp lực về hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, quản lý cư trú và tổ chức các hoạt động cộng đồng dân cư.

- Bên cạnh đó, hệ thống thôn hiện nay còn nhiều đầu mối nhỏ lẻ, quy mô dân cư chưa đồng đều, gây khó khăn trong công tác quản lý địa bàn, triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Do vậy, việc sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Yên Mỹ là cần thiết nhằm phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, quá trình đô thị hóa và yêu cầu quản lý nhà nước trong tình hình mới; góp phần tinh gọn đầu mối, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

1.3. Về hạ tầng - xã hội

- Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển kinh tế hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn xã Yên Mỹ từng bước được quan tâm đầu tư, nâng cấp, cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ đời sống Nhân dân.

- Hệ thống giao thông trên địa bàn cơ bản thuận lợi, nhiều tuyến đường trục chính, đường liên khu dân cư được đầu tư cải tạo, nâng cấp; hệ thống điện chiếu sáng, cấp điện sinh hoạt, thông tin liên lạc, internet cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân và doanh nghiệp. Một số tuyến đường, khu dân cư từng bước được chỉnh trang theo hướng đô thị văn minh.

- Các công trình hạ tầng xã hội như trường học, trạm y tế, nhà văn hóa, khu thể thao và các thiết chế văn hóa cộng đồng được quan tâm đầu tư. Công tác giáo dục, y tế, an sinh xã hội, chăm sóc sức khỏe Nhân dân tiếp tục được duy trì ổn định; đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước được nâng lên.

- Trên địa bàn xã hiện có hệ thống các cơ sở giáo dục, Trạm Y tế xã, Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã, các nhà văn hóa thôn và các thiết chế phục vụ hoạt động cộng đồng cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, hội họp, tuyên truyền và tổ chức các phong trào tại cơ sở.

- Tuy nhiên, do địa bàn rộng, dân cư đông, tốc độ đô thị hóa nhanh nên hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại một số khu dân cư còn chưa đồng bộ; một số nhà văn hóa thôn diện tích còn hạn chế, cơ sở vật chất xuống cấp; hạ tầng thoát nước, vệ sinh môi trường, bãi tập kết rác thải tại một số khu vực chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

- Bên cạnh đó, việc duy trì số lượng lớn thôn với quy mô nhỏ làm phân tán nguồn lực đầu tư, ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác, sử dụng các công trình hạ tầng và tổ chức các hoạt động cộng đồng dân cư.

- Do vậy, việc sắp xếp, tổ chức lại thôn sẽ góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quy hoạch, đầu tư, quản lý và khai thác hiệu quả hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội; đồng thời nâng cao chất lượng hoạt động cộng đồng dân cư, xây dựng đô thị văn minh và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

1.4. Những khó khăn, thách thức

- Bên cạnh những thuận lợi về vị trí địa lý, tiềm năng phát triển kinh tế và hệ thống hạ tầng từng bước được đầu tư, xã Yên Mỹ hiện vẫn còn một số khó khăn, thách thức trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội và tổ chức hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Sau khi thực hiện sáp nhập đơn vị hành chính cấp xã, quy mô diện tích tự nhiên và dân số của xã tăng lên đáng kể, địa bàn quản lý rộng, dân cư đông và phân bố không đồng đều giữa các khu dân cư. Trong khi đó, hệ thống thôn hiện nay chủ yếu được giữ nguyên theo địa giới của các xã, xã trước khi sáp nhập nên còn tồn tại nhiều đầu mối nhỏ lẻ, phân tán, chưa phù hợp với yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

- Một số thôn có quy mô hộ gia đình và dân số chưa đạt tiêu chuẩn theo quy định; địa bàn quản lý manh mún, gây khó khăn trong công tác chỉ đạo, điều hành, triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quản lý dân cư, bảo đảm an ninh trật tự và tổ chức các hoạt động cộng đồng.

- Quá trình đô thị hóa, phát triển công nghiệp và gia tăng dân số cơ học trên địa bàn cũng làm phát sinh nhiều vấn đề phức tạp như: áp lực về hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường, quản lý đất đai, trật tự xây dựng, phòng chống cháy nổ, an ninh trật tự và quản lý cư trú. Một số khu vực có lượng lao động ngoại tỉnh đông, biến động dân cư lớn, ảnh hưởng đến công tác quản lý tại cơ sở.

- Bên cạnh đó, cơ sở vật chất phục vụ sinh hoạt cộng đồng tại một số thôn còn hạn chế; một số nhà văn hóa diện tích nhỏ, xuống cấp hoặc chưa đáp ứng yêu cầu tổ chức hội họp, sinh hoạt cộng đồng sau khi mở rộng quy mô dân cư.

- Đội ngũ người hoạt động không chuyên trách tại thôn mặc dù cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ nhưng vẫn còn một số khó khăn như: độ tuổi không đồng đều, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin còn hạn chế ở một số trường hợp; khối lượng công việc ngày càng tăng trong khi số lượng đầu mối thôn còn nhiều.

- Ngoài ra, quá trình triển khai sắp xếp thôn có thể tác động đến tâm tư, nguyện vọng của một bộ phận cán bộ cơ sở và Nhân dân; đòi hỏi địa phương phải thực hiện tốt công tác tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong cộng đồng dân cư nhằm bảo đảm ổn định tình hình tại cơ sở.

- Những khó khăn, thách thức nêu trên đặt ra yêu cầu cần tiếp tục rà soát, sắp xếp, tổ chức lại hệ thống thôn theo hướng tinh gọn, phù hợp với quy mô dân cư và yêu cầu quản lý; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở và đáp ứng yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới.

Phần thứ hai

HIỆN TRẠNG SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ YÊN MỸ

1. Hiện trạng số lượng thôn

1.1. Tổng số thôn: 34 thôn;

1.2. Số hộ gia đình của các thôn: 19.867 hộ;

1.3. Số dân của các thôn: 68.591 dân.

2. Số lượng thôn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại

1.1. Số thôn sắp xếp, tổ chức lại: 26 thôn;

1.2. Số thôn giữ nguyên hiện trạng: 08 thôn.

(Số liệu chi tiết tại phụ lục 1A, 1B kèm theo Đề án)

Phần thứ ba

PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP THÔN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ YÊN MỸ

I. MỤC TIÊU, PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu của Đề án

1.1. Mục tiêu tổng quát của Đề án

- Sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Yên Mỹ theo hướng tinh gọn, phù hợp với quy mô dân số, số hộ gia đình, điều kiện thực tế và yêu cầu quản lý trong tình hình mới; bảo đảm hoạt động hiệu lực, hiệu quả của hệ thống chính trị ở cơ sở theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Thông qua việc sắp xếp thôn nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước tại địa bàn dân cư; giảm đầu mối tổ chức, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách; sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương; phát huy vai trò tự quản của cộng đồng dân cư; góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn xã.

- Việc sắp xếp thôn bảo đảm giữ gìn truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư; tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; bảo đảm ổn định tình hình tại cơ sở và đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong giai đoạn mới.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Rà soát, sắp xếp các thôn có quy mô nhỏ, chưa bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hình thành các thôn có quy mô phù hợp về số hộ gia đình, dân số và địa bàn quản lý.
- Giảm số lượng đầu mối thôn trên địa bàn xã; tinh gọn tổ chức bộ máy và giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cơ sở.
- Nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại khu dân cư; nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở.
- Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quản lý dân cư, quản lý địa bàn, bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ và xây dựng đô thị văn minh.
- Sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, nhà văn hóa và các thiết chế phục vụ cộng đồng; tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tại khu dân cư.
- Thực hiện tốt công tác bố trí, sắp xếp, sử dụng đội ngũ người hoạt động không chuyên trách sau sắp xếp; bảo đảm chế độ, chính sách theo quy định.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dân cư và hoạt động của thôn; đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và xây dựng chính quyền cơ sở hiện đại.
- Phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; bảo đảm công khai, dân chủ, minh bạch trong quá trình triển khai thực hiện Đề án; tạo sự đồng thuận cao trong cộng đồng dân cư.

2. Phạm vi hoạt động của Đề án

2.1. Phạm vi địa lý

- Đề án được triển khai thực hiện trên toàn bộ địa giới hành chính xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; bao gồm toàn bộ các thôn hiện có trên địa bàn xã trước khi thực hiện sắp xếp.
- Phạm vi thực hiện Đề án bao gồm các khu dân cư thuộc địa bàn các xã, thị trấn trước đây gồm: Tân Lập, Trung Hòa, Tân Minh và thị trấn Yên Mỹ sau khi sáp nhập thành xã Yên Mỹ theo Nghị quyết số 1666/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2.2. Phạm vi đối tượng

Đối tượng tác động của Đề án gồm:

- Các thôn thuộc diện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại trên địa bàn xã.
- Người hoạt động không chuyên trách tại thôn.
- Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội tại khu dân cư.

- Các hộ gia đình, cá nhân, Nhân dân sinh sống trên địa bàn các thôn thuộc diện sắp xếp.

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

2.3. Phạm vi chuyên môn

Đề án tập trung thực hiện các nội dung chủ yếu sau:

- Rà soát hiện trạng tổ chức, quy mô dân số, số hộ gia đình, địa bàn quản lý của các thôn.

- Xây dựng phương án sắp xếp, sáp nhập, tổ chức lại các thôn bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn theo quy định và điều kiện thực tế của địa phương.

- Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và bố trí người hoạt động không chuyên trách tại thôn sau sắp xếp.

- Đề xuất phương án sử dụng cơ sở vật chất, nhà văn hóa và các thiết chế phục vụ cộng đồng dân cư.

- Thực hiện công tác tuyên truyền, lấy ý kiến Nhân dân và tổ chức triển khai thực hiện Đề án theo quy định.

- Thực hiện các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách chịu tác động do sắp xếp thôn.

- Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước, nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị ở khu dân cư sau khi thực hiện sắp xếp.

II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, SÁP NHẬP CỤ THỂ CÁC THÔN

1. Nguyên tắc sắp xếp

- Bảo đảm các thôn sau sắp xếp đạt tiêu chuẩn về quy mô hộ gia đình và dân số theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

- Sáp nhập các thôn có địa bàn liên kề, có sự tương đồng về lịch sử, văn hóa, phong tục tập quán và điều kiện kinh tế - xã hội.

- Bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý địa bàn, quản lý dân cư và tổ chức các hoạt động cộng đồng.

- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống lịch sử của từng cộng đồng dân cư.

- Tên gọi của thôn sau sáp nhập được đặt trên cơ sở kế thừa tên địa danh lịch sử, văn hóa của địa phương hoặc tên xã trước đây, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2. Phương án sáp nhập các thôn chưa đạt chuẩn

1. Sắp xếp, sáp nhập thôn Nho Lâm và thôn Liêu Hạ **thành thôn Liêu Hạ**;

2. Sắp xếp, sáp nhập thôn Thổ Cốc và thôn Hào Xuyên **thành thôn Hào Xuyên**;

3. Sắp xếp, sáp nhập thôn Thư Thị và một phần thôn Hào Xuyên, gồm 60 hộ

đang sinh sống tại ngã tư cầu treo đường 376 đến Vòng Xuyên về thôn Thư Thị **thành thôn Thư Thị;**

4. Sắp xếp, sáp nhập thôn Trai Trang, một phần thôn Hào Xuyên, thôn Thư Thị gồm 90 hộ đang sinh sống tại ngã tư Cầu treo đến Vòng Xuyên đường 376 (Khu tập thể bệnh viện Yên Mỹ) về thôn Trai Trang **thành thôn Trai Trang;**

5. Sắp xếp, sáp nhập thôn Đồng La và thôn Đỗ Xá **thành thôn Đỗ Xá;**

6. Sắp xếp, sáp nhập thôn Hạ và thôn Thụy Trang **thành thôn Hạ Trang;**

7. Sắp xếp, sáp nhập thôn Tổ Hỏa và thôn Đồng Mỹ **thành thôn Tổ Hỏa;**

8. Sắp xếp, sáp nhập thôn Cảnh Lâm, thôn Giã Cầu và các hộ đang sinh sống tại “Áp Bàn Tai” thuộc thôn Giã Cầu **thành thôn Cảnh Lâm;**

9. Sắp xếp, sáp nhập thôn Lãng Cầu và thôn Hoan Ái **thành thôn Hoan Ái;**

10. Sắp xếp, sáp nhập thôn Nội Tây, thôn Quân Ngọc và Nghĩa Xuyên **thành thôn Nghĩa Xuyên;**

11. Sắp xếp, sáp nhập thôn Trung Hòa và Nguyễn Xá **thành thôn Trung Hòa;**

12. Sắp xếp, sáp nhập thôn Thượng Bùi và Bùi Xá **thành thôn Thượng Bùi;**

13. Sắp xếp, sáp nhập thôn Xuân Tảo, Tam Trạch và Cầu Thôn **thành thôn Tam Trạch;**

2. Các thôn không sắp xếp (giữ nguyên)

14. Thôn Trung Đạo: 792 hộ, 2653 người;

15. Thôn Ông Tổ: 578 hộ, 1985 người;

16. Thôn Nghĩa Trang: 585 hộ, 2039 người;

17. Thôn Đạo Khê giữ: 1219 hộ, 4395 người;

18. Thôn Tử Đông: 568 hộ, 1906 người;

19. Thôn Tử Dương: 714 hộ, 2309 người;

20. Thôn Yên Đô: 731 hộ, 2608 người;

21. Thôn Thiên Lộc: 799 hộ, 2847 người.

(có phụ lục 2A, 2B kèm theo Đề án)

III. KẾT QUẢ SAU KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP THÔN CỦA XÃ

Trước khi sắp xếp xã có 34 thôn. Sau khi sắp xếp, xã còn 21 thôn giảm 13 thôn.

IV. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỐ TRÍ ĐỘI NGŨ VÀ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ CHÍNH SÁCH

1. Phương án sắp xếp kiện toàn tổ chức sau sắp xếp

Sau khi sắp xếp, mỗi thôn có cơ cấu tổ chức gồm: 01 Bí thư Chi bộ, 01 Trưởng thôn; 01 Trưởng Ban Công tác Mặt trận; các Chi hội, Đoàn thể (Chi hội Cựu chiến binh, Chi hội Phụ nữ, Chi đoàn Thanh niên, Chi hội Người cao tuổi và các tổ

chức đoàn thể khác). Ngoài ra còn có: Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở; Tổ hòa giải; Cộng tác viên dân số, y tế và các tổ tự quản khác.

2. Phương án bố trí người hoạt động không chuyên trách

- Trước sắp xếp, tổng số người hoạt động không chuyên trách tại thôn là 68 người (01 Bí thư chi bộ, 33 Bí thư kiêm Trưởng thôn và 33 Trưởng Ban Công tác Mặt trận, có 01 thôn Bí thư kiêm Trưởng thôn kiêm Trưởng Ban Công tác Mặt trận). Sau sắp xếp, còn 21 thôn nên cần 63 người (21 Bí thư chi bộ, 21 Trưởng thôn và 21 Trưởng Ban Công tác Mặt trận), giảm 03 người.

- Nguyên tắc bố trí: Ưu tiên lựa chọn những người có phẩm chất chính trị, uy tín, năng lực, kinh nghiệm thực tiễn; bảo đảm công khai, dân chủ, khách quan và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân. Việc bố trí nhân sự gắn với thực hiện tinh giản số lượng người hoạt động không chuyên trách theo quy định.

3. Phương án giải quyết chế độ chính sách đối với người dôi dư

Đối với người hoạt động không chuyên trách dôi dư sau sắp xếp hoặc bố trí sắp xếp nhân sự khác, thực hiện giải quyết theo các hình thức phù hợp:

- Tiếp tục bố trí tham gia công tác tại các tổ chức đoàn thể, tổ tự quản hoặc các hoạt động cộng đồng tại khu dân cư (đối với những người có năng lực, uy tín và nguyện vọng).

- Thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 154/2025/NĐ-CP về tinh giản biên chế và Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- Bảo đảm công khai, minh bạch và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương.

(Chi tiết thể hiện tại Phụ lục 3 kèm theo Đề án).

V. PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TRỤ SỞ, NHÀ VĂN HÓA THÔN SAU SẮP XẾP

Sau khi sắp xếp, địa phương rà soát, lựa chọn 01 nhà văn hóa trung tâm phù hợp tại mỗi thôn để tiếp tục sử dụng làm trụ sở sinh hoạt cộng đồng. Các nhà văn hóa dôi dư được xem xét xử lý theo phương án: giao cho thôn quản lý để phục vụ hoạt động phụ; cho cộng đồng dân cư thuê hoạt động văn hóa, thể thao; hoặc chuyển giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý tài sản công.

Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. PHÒNG VĂN HÓA - XÃ HỘI XÃ (Cơ quan tham mưu chính)

1. Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân xã xây dựng, hoàn thiện Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Yên Mỹ bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng các thôn; xây dựng phương án sắp xếp phù hợp với quy mô dân số, số hộ gia đình và điều kiện thực tế của địa phương.

3. Chủ trì phối hợp với Văn phòng HĐND và UBND xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, lấy ý kiến Nhân dân về Đề án sắp xếp thôn theo quy định.

4. Hướng dẫn, đôn đốc các thôn thực hiện các nội dung liên quan đến sắp xếp, sáp nhập, kiện toàn tổ chức và bố trí người hoạt động không chuyên trách sau sắp xếp.

5. Theo dõi, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện Đề án; tham mưu Ủy ban nhân dân xã báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

II. VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND XÃ

1. Phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã tham mưu Ủy ban nhân dân xã triển khai thực hiện Đề án sắp xếp thôn.

2. Hướng dẫn thực hiện các quy trình, thủ tục hành chính liên quan đến việc sắp xếp thôn theo quy định.

3. Phối hợp tham mưu công tác kiện toàn tổ chức, nhân sự; hướng dẫn quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu liên quan trong quá trình thực hiện sắp xếp.

4. Phối hợp tham mưu giải quyết chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách chịu tác động do sắp xếp thôn theo quy định hiện hành.

III. PHÒNG KINH TẾ XÃ

1. Phối hợp rà soát, tham mưu phương án quản lý, sử dụng nhà văn hóa thôn, các công trình hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ cộng đồng sau sắp xếp.

2. Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng tài sản công, cơ sở vật chất, trang thiết bị tại các thôn bảo đảm đúng quy định.

3. Phối hợp tham mưu phương án đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, nhà văn hóa và các thiết chế phục vụ cộng đồng phù hợp với quy mô thôn sau sắp xếp.

IV. ĐỀ NGHỊ ỦY BAN MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

1. Phối hợp tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân đồng thuận, thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

2. Phối hợp tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với phương án sắp xếp thôn theo quy định.

3. Tham gia giám sát quá trình triển khai thực hiện Đề án; kịp thời phản ánh các khó khăn, vướng mắc và kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết.

V. CÁC THÔN THUỘC DIỆN SẮP XẾP

1. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung Đề án đến Nhân dân tại khu dân cư; tạo sự đồng thuận trong quá trình triển khai thực hiện.

2. Phối hợp tổ chức hội nghị lấy ý kiến cử tri hoặc đại diện hộ gia đình theo quy định.

3. Thực hiện rà soát, kiểm kê, bàn giao hồ sơ, tài liệu, tài sản, cơ sở vật chất và các nội dung liên quan phục vụ công tác sắp xếp thôn.

4. Phối hợp kiện toàn tổ chức chi bộ, Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức đoàn thể và bố trí người hoạt động không chuyên trách sau sắp xếp theo quy định.

VI. CÁC THÔN SAU KHI SẮP XẾP

1. Tổ chức công bố quyết định thành lập, sáp nhập thôn theo quy định.

2. Kiện toàn tổ chức bộ máy, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đội ngũ người hoạt động không chuyên trách và các lực lượng tham gia hoạt động tại khu dân cư.

3. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy chế hoạt động, hương ước, quy ước của thôn phù hợp với tình hình thực tế sau sắp xếp.

4. Tổ chức ổn định hoạt động của thôn; tiếp tục triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, vệ sinh môi trường và xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư.

5. Phối hợp với các cơ quan liên quan giải quyết các công việc tồn đọng, bảo đảm hoạt động của thôn liên tục, ổn định và hiệu quả sau khi sắp xếp.

Phần thứ tư KẾT LUẬN

I. KẾT LUẬN

Việc sắp xếp, tổ chức lại các thôn trên địa bàn xã Yên Mỹ là yêu cầu khách quan, cần thiết nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở cơ sở theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp hiện nay. Thông qua việc sắp xếp thôn sẽ góp phần:

1. Tinh gọn tổ chức bộ máy ở cơ sở: Giảm số lượng đầu mối thôn, giảm số lượng người hoạt động không chuyên trách; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành tại khu dân cư.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị ở cơ sở: Tạo điều kiện thuận lợi trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, xây dựng đô thị văn minh và thực hiện dân chủ ở cơ sở.

3. Sử dụng hiệu quả nguồn lực của địa phương: Tập trung, khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, nhà văn hóa và các thiết chế cộng đồng; giảm chi ngân sách nhà nước đối với người hoạt động không chuyên trách tại thôn.

4. Phù hợp với yêu cầu phát triển của địa phương trong giai đoạn mới: Đáp ứng yêu cầu quản lý dân cư, chuyển đổi số, cải cách hành chính và xây dựng chính quyền cơ sở hiện đại; phù hợp với thực tiễn phát triển đô thị, công nghiệp và gia tăng dân số cơ học trên địa bàn xã Yên Mỹ.

5. Bảo đảm quyền làm chủ của Nhân dân và giữ gìn ổn định ở cơ sở: Việc sắp xếp thôn được thực hiện công khai, dân chủ, đúng quy định; bảo đảm giữ gìn truyền thống lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư và tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Hướng dẫn cụ thể các nội dung liên quan đến tiêu chuẩn thôn theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP; giải quyết chế độ, chính sách cho người dôi dư và xử lý tài sản công dôi dư sau sắp xếp.

2. Hỗ trợ kinh phí từ ngân sách tỉnh để đầu tư nâng cấp nhà văn hóa thôn sau sắp xếp; đặc biệt đối với các nhà văn hóa được lựa chọn làm trụ sở chính của thôn mới có quy mô lớn hơn.

Trên đây là Đề án sắp xếp thôn trên địa bàn xã Yên Mỹ năm 2026. UBND xã kính trình HĐND xã xem xét, thông qua để UBND xã tổ chức triển khai, thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- BTV Đảng ủy xã;
- BCH Đảng bộ xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Cơ quan chuyên môn;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trịnh Hồng Tuyền

PHỤ LỤC 1A
THỐNG KÊ QUY MÔ DÂN SỐ CỦA THÔN
TRÊN ĐỊA BÀN XÃ YÊN MỸ

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Yên Mỹ)

ST T	Tên thôn	Quy mô số hộ gia đình		Số dân	Yếu tố đặc thù (nếu có)	Thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Thuộc diện giải thể	Không thuộc diện sắp xếp, tổ chức lại	Ghi chú
		Quy mô số hộ gia đình (hộ)	Tỷ lệ so với tiêu chuẩn (%)						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Thôn Nho Lâm	227		765		X			
2	Thôn Thổ Cốc	331		1031		X			
3	Thôn Thư Thị	1101		3252		X			
4	Thôn Liêu Hạ	1006		3295		X			
5	Thôn Hào Xuyên	632		2123		X			
6	Thôn Trai Trang	2417		8911		X			
7	Thôn Đồng La	222		770		X			
8	Thôn Đỗ Xá	927		3147		X			
9	Thôn Ông Tổ	578		1985				X	
10	Thôn Nghĩa Trang	585		2039				X	
11	Thôn Hạ	388		1350		X			
12	Thôn Thụy Trang	304		1020		X			
13	Thôn Đạo Khê	1219		4395				X	
14	Thôn Trung Đạo	792		2653				X	
15	Thôn Tử Đông	568		1906				X	
16	Thôn Tử Dương	714		2309				X	
17	Thôn Tổ Hòa	630		2169		X			
18	Thôn Đồng Mỹ	390		1321		X			
19	Thôn Cảnh Lâm	817		2932		X			
20	Thôn Yên Đô	731		2608				X	
21	Thôn Giã Cầu	212		729		X			
22	Thôn Lăng Cầu	171		607		X			
23	Thôn Hoan Ái	757		2837		X			
24	Thôn Bùi Xá	193		645		X			
25	Thôn Cầu Thôn	163		565		X			
26	Thôn Nội Tây	149		468		X			
27	Thôn nghĩa Xuyên	388		1332		X			
28	Thôn Nguyễn Xá	326		1147		X			
29	Thôn Quần Ngọc	249		822		X			
30	Thôn Tam Trạch	550		1921		X			
31	Thôn Thiên Lộc	799		2847				X	
32	Thôn Thượng Bùi	532		1879		X			
33	Thôn Trung Hòa	428		1499		X			
34	Thôn Xuân Tảo	371		1312		X			
Tổng số		19870		68596		26		8	

Ghi chú :

Tỷ lệ % về quy mô số hộ gia đình của thôn, tổ dân phố được tính theo tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố tương ứng quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26/5/2026 của Chính phủ về tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

PHỤ LỤC 1B

THỐNG KÊ THÔN KHÔNG THỰC HIỆN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Yên Mỹ)

STT	Tên thôn (TDP)	Số hộ gia đình	Tiêu chuẩn quy mô hộ gia đình so với quy định (đạt tỷ lệ %)	Số dân	Lý do không thực hiện sắp xếp (Trình bày rõ các yếu tố đặc thù, lý do không sắp xếp)
1	2	3	4	5	6
I	KHÔNG SẮP XẾP DO ĐÃ ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN QUY MÔ HỘ GIA ĐÌNH				
1	Thôn Ông Tổ	578	144,5	1985	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
2	Thôn Nghĩa Trang	585	146,25	2039	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
3	Thôn Đạo Khê	1219	304,75	4395	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
4	Thôn Trung Đạo	792	198	2653	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
5	Thôn Tử Đông	568	142	1906	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
6	Thôn Tử Dương	714	178,5	2309	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
7	Thôn Yên Đô	731	182,75	2608	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
8	Thôn Thiên Lộc	799	199,75	2847	Đủ tiêu chuẩn theo quy định
	Tổng số	5986		20742	

* Ghi chú: Tổng số thôn, TDP không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại tại PL 1A phải thống nhất số liệu với Phụ lục 1B

PHỤ LỤC 2A

Phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn trên địa bàn xã Yên Mỹ
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Yên Mỹ)

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại				Lý do	Ghi chú
				Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
26 Thôn thực hiện sắp xếp, tổ chức lại 07 thôn thành 13 thôn mới, giữ nguyên 08 thôn. Sau sắp xếp có 21 thôn, giảm 13 thôn.									
1	Nho Lâm	227	765	Thôn Liêu Hạ	1233	308	4.060	02 thôn liền kề nhau, có 01 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Liêu Hạ	1006	3295						
2	Thổ Cốc	331	1031	Thôn Hào Xuyên	853	213	2.839	2 thôn liền kề nhau, có 01 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân	
	Hào Xuyên	522	1808						
3	Thư Thị	1061	3252	Thôn Thư Thị	1121	280	3.422	có 01 số hộ của thôn Hào Xuyên sinh sống từ ngã tư Cầu Treo-Vòng Xuyên đường 376 liền kề với thôn Thư Thị	
	Hào Xuyên	60	170						
4	Trại Trang	2417	8911	Thôn Trại Trang	2507	627	9.166	Một phần thôn Hào Xuyên và thôn Thư Thị gồm 90 hộ sống từ ngã tư Cầu Treo- Vòng Xuyên đường 376 khu tập thể bệnh viện Yên Mỹ liền kề thôn Trại Trang	
	Hào Xuyên	50	145						
	Thư Thị	40	110						

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Lý do	Ghi chú
				Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
5	Đồng La	222	770	Thôn Đỗ Xá	1149	287	3.917	02 thôn liền kề nhau, có 01 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Đỗ Xá	927	3147							
6	Hạ	388	1350	Thôn Hạ Trang	692	173	2.370	02 thôn liền kề nhau, có 02 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Thụy Trang	304	1020							
7	Tổ Hòa	630	2169	Thôn Tổ Hòa	1020	255	3.490	02 thôn liền kề nhau, có 01 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Đồng Mỹ	390	1321							
8	Cánh Lâm	817	2932	Thôn Cánh Lâm	1029	257	3.661	02 thôn liền kề nhau, có 01 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Giã Cầu	212	729							

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Lý do	Ghi chú
				Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
9	Lăng Cầu	171	607	Thôn Hoan Ái	928	232	3.444	02 thôn liền kề nhau, có 01 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Hoan Ái	757	2837							
10	Nội Tây	149	468	Thôn Nghĩa Xuyên	786	197	2.622	03 thôn liền kề nhau, có 03 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Quần Ngọc	249	822							
	Nghĩa Xuyên	388	1332							
11	Trung Hòa	428	1499	Thôn Trung Hòa	754	189	2.646	02 thôn liền kề nhau, có 02 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định (theo quy định phường); phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Nguyễn Xá	326	1147							
12	Thượng Bùi	532	1879	Thôn Thượng Bùi	725	181	2.524	02 thôn liền kề nhau, có 02 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định phường; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Bùi Xá	193	645							

TT	Tên thôn/tổ dân phố cũ	Số hộ gia đình (hộ)	Tổng số dân (người)	Phương án sắp xếp, tổ chức lại					Lý do	Ghi chú
				Phương án, tên thôn/ tổ dân phố mới	Số hộ gia đình (hộ)	Đánh giá tiêu chuẩn theo quy định (đạt tỷ lệ %)	Tổng số dân (người)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
13	Xuân Tảo	371	1312	Thôn Tam Trách	1084	271	3.798	03 thôn liền kề nhau, có 02 thôn quy mô từ 70% đến dưới 100% số hộ gia đình theo quy định; phong tục tập quán, các yếu tố văn hóa không bị ảnh hưởng, thuận lợi cho việc sinh hoạt của Nhân dân		
	Tam Trách	550	1921							
	Cầu Thôn	163	565							
14	Ông Tố	578	1985	Giữ nguyên				Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
15	Nghĩa Trang	585	2039	Giữ nguyên				Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
16	Đạo Khê	1219	4395	Giữ nguyên				Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
17	Từ Đông	568	1906	Giữ nguyên				Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
18	Từ Dương	714	2309	Giữ nguyên				Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
19	Yến Đô	731	2608	Giữ nguyên				Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
20	Thiên Lộc	799	2847	Giữ nguyên				Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		
21	Trung Đạo	792	2653	Giữ nguyên				Đảm bảo quy mô số hộ gia đình theo quy định		

PHỤ LỤC 2B

Tổng hợp số lượng, quy mô thôn/tổ dân phố sau khi sắp xếp, tổ chức lại trên địa bàn xã, phường...
(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Yên Mỹ)

TT	Tên xã, phường	Số thôn, tổ dân phố trước sắp xếp, tổ chức lại	Số thôn/ tổ dân phố thực hiện sắp xếp, tổ chức lại	Số thôn/tổ dân phố không thực hiện sắp xếp		Số thôn/tổ dân phố sau sắp xếp, tổ chức lại	Số lượng phương án sắp xếp, tổ chức lại				Số thôn, tổ dân phố giám	Số người HD KCT dự kiến giám	Số người tham gia hoạt động trực tiếp dự kiến giám	Trụ sở nhà văn hóa đối dư	Ghi chú
				Đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định	Chưa đảm bảo tiêu chuẩn nhưng không thực hiện sắp xếp, tổ chức lại		Sắp xếp 02 thôn/ TDP	Sắp xếp 03 thôn/ TDP	Sắp xếp từ 04 thôn/ TDP trở lên	...					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Xã Yên Mỹ	34	26	8	0	21	10	3	0	0	13	39	91	Không đối dư, đề nghị tiếp tục sử dụng để làm các điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng	

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ YÊN MỸ

PHỤ LỤC 3A

Danh sách người hoạt động không chuyên trách ở thôn trên địa bàn xã trước sắp xếp, tổ chức lại thôn

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Yên Mỹ)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	Xã Yên Mỹ														
I	Thôn Nội Tây														
1	Nguyễn Văn Huấn	1976		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	3,0			1						
2	Nguyễn Văn Tuyển	1978		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,5		1				1			
II	Thôn Quần Ngọc														
1	Vũ Văn Quý	1968		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn, Trưởng Ban CTMT	3,5			1						
III	Thôn Nghĩa Xuyên														
1	Phạm Thế Tùng	1997		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0	1								
2	Ngô Hữu Dự	1955		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
IV	Thôn Nguyễn Xá														
1	Trần Văn Phong	1986		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0		1							
2	Trần Trọng Hải	1961		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					1
V	Thôn Trung Hoà														
1	Lê Mạnh Chi	1989		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0	1					1			
2	Lê Viết Ban	1960		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					1
VI	Thôn Thiên Lộc														
1	Đỗ Thị Liên	1972	1	1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0			1			1			
2	Vũ Văn Tú	1963		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					1
VII	Thôn Bùi Xá														
1	Mai Huy Trình	1969		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	3,0			1						
2	Trần Thị Hoàn	1980	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,5		1				1			

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
VIII Thôn Thượng Bùi															
1	Nguyễn Hữu Sứ	1963		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0				1					1
2	Trịnh Ngọc Quế	1952			Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					1
IX Thôn Xuân Tảo															
1	Nguyễn Văn Thức	1965		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0				1					
2	Dương Văn Trạ	1975		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0			1			1			
X Thôn Tam Trạch															
1	Đặng Xuân An	1976		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0			1						
2	Đặng Xuân Quang	1966		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0			1						
XI Thôn Cầu Thôn															
1	Đồng Huy Việt	1978		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	3,0		1							
2	Đồng Huy Chính	1958		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,5				1					1

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
XII	Thôn Hoan Ái														
1	Nguyễn Hồng Quân	1964		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0				1					
2	Hoàng Xuân Tiến	1967		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0			1						
XIII	Thôn Cảnh Lâm														
1	Phạm Thế Hưng	1989		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0	1								
2	Lương Đình Sỹ	1958		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					
XIV	Thôn Yên Đô														
1	Đặng Đức Phan	1987		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0	1						1		
2	Nguyễn Thị Thuận	1962	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1			1		
XV	Thôn Giã Cầu														
1	Nguyễn Văn Ngọc	1972		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	3,0			1				1		
2	Nguyễn Thị Nga	1968	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,5			1						

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
XVI	Thôn Lãng Cầu														
1	Trần Văn Tuấn	1975		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	3,0			1						
2	Vũ Xuân Dũng	1955		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,5				1					
XVII	Thôn Tử Dương														
1	Lê Song Toàn	1964		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0				1			1		
2	Nguyễn Tuấn Đạt	1958		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					
XVIII	Thôn Tử Đông														
1	Đỗ Minh Bộ	1964		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0				1			1		
2	Đỗ Hồng Hải	1965		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					
XIX	Thôn Tổ Hóa														
1	Trịnh Văn Định	1967		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0			1						
2	Vũ Văn Thuyền	1980		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0		1							

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
XX	Thôn Đồng Mỹ														
1	Nguyễn Đình Khích	1976		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0			1				1		
2	Vũ Đình Năm	1957		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					
XXI	Thư Thị														
1	Phạm Thị Tuyết	1976		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0			1						
2	Trương Đăng Trạc	1957		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					
XXII	Thôn Liêu Hạ														
1	Nguyễn Văn Bồng	1987		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0	1					1			
2	Hoàng Quang Hoà	1974		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0			1						
XXIII	Thôn: Hào Xuyên														
1	Lưu Minh Huân	1986		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0		1						1	
2	Bùi Văn Khảm	1968		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0			1						

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
XXIV	Thôn: Nho Lâm														
1	Hoàng Thanh Bình	1979		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	3,0		1				1			
2	Đỗ Mạnh Sỹ	1959		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,5				1					
XXV	Thôn Thổ Cốc														
1	Nguyễn Hữu Cao	1972		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	3,0			1				1		
2	Nguyễn Trọng Kế	1962		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,5				1					
XXVI	Thôn Hạ														
1	Vũ Văn Khánh	1966		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0				1					
2	Hoàng Thị Huệ	1979	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0		1					1		
XXVII	Thôn Đạo Khê														
1	Nguyễn Thị Sáu	1987	1	1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0	1					1			
2	Dương Thị Thơi	1985	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0		1					1		

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
XXVIII Thôn Trung Đạo															
1	Đặng Thị Yên	1984	1	1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0	1								
2	Nguyễn Văn Mỹ	1955		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					
XXIX Thôn Thụy Trang (Số hộ: 290)															
1	Nguyễn Thị Ngọc	1970	1	1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	3,0			1						
2	Lê Thành Công	1970		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,5			1			1			
XXX Thôn Trại trang															
1	Ngô Quang Lực	1996		1	Bí thư chi bộ,	2,0	1					1			
2	Nguyễn Trần Sơn	1963			Trưởng thôn	2,0				1			1		
3	Đỗ Thanh Tuấn	1963		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1					
XXXI Thôn Đồng La															
1	Hoàng Xuân Thủy	1967		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	3,0			1						

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Nữ	Đảng viên	Chức vụ, chức danh Người hoạt động KCT ở thôn, tổ dân phố	Mức phụ cấp hiện hưởng	Chia theo độ tuổi				Chia theo trình độ đào tạo				Đang hưởng chế độ hưu trí hoặc đã đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định
							Dưới 40 tuổi	Từ 40 tuổi đến dưới 50 tuổi	Từ 50 tuổi đến dưới 60 tuổi	Trên 60 tuổi	Trên ĐH	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Dưới trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Lê Viết Quân	1964		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	1,5				1		1			
XXXII	Thôn Đỗ Xá														
1	Phạm Ngọc Thanh	1967		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0			1				1		
2	Nguyễn Thị Xuân	1962	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1			1		
XXXIII	Thôn Ông Tố														
1	Đỗ Minh Tiến	1960		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0				1		1			
2	Lương Hoàng Anh	1968		1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0			1				1		
XXXIV	Thôn Nghĩa Trang														
1	Trương Văn Công	1983		1	Bí thư chi bộ, Trưởng thôn	4,0		1							
2	Đàm Thị Hoa	1963	1	1	Trưởng Ban Công tác mặt trận	2,0				1		1			
	Tổng số		11	66	0		7	11	22	28	0	16	13		

PHỤ LỤC 3C

Tổng hợp số lượng các tổ chức của thôn, tổ dân phố trên địa bàn xã Yên Mỹ

(Kèm theo Đề án số /ĐA-UBND ngày /6/2026 của UBND xã Yên Mỹ)

Các tổ chức tại thôn, TDP																									Ghi chú
TT	Tên địa phương	Số lượng thôn/ tổ dân phố	Trước khi sắp xếp thôn, tổ dân phố										Sau khi sắp xếp thôn, tổ dân phố												
			Tổng số	Trong đó									Tổng số	Trong đó							So sánh trước khi sắp xếp và sau sắp xếp				
				Chi bộ	Ban công tác Mặt trần	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)	Chi bộ		Ban công tác Mặt trận	Chi hội CCB	Chi hội phụ nữ	Chi đoàn TN	Chi hội nông dân	Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng	Khác (Chữ thập đỏ, người cao tuổi...)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=13-4	23			
1	Xã Yên Mỹ	34	34	34	34	34	34	34	34	34	34	21	21	21	21	21	21	21	21	21	-13				